TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 93/2017/HNGĐ-ST Ngày: 28-8-2017 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vương Văn Mum;

Ông Cao Hoài Hiêm;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phú, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2017/TLST ngày 17 tháng 3 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2017/QĐXX-ST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1971, có mặt;

Nơi cư trú: 81/8 đường Duy T, khu phố T, thị Trấn T, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh Vương Văn V, sinh năm 1971, vắng mặt;

Nơi cư trú: 200/1 đường Gi, ấp Phú, xã An H, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Chị và Anh Vương Văn V chung sống vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn, ngày 26 tháng 6 năm 2002 được Ủy ban nhân dân xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83/2002, quyển số 01, sau khi cưới chị về làm dâu sống chung với gia đình Anh V ở ấp Hòa Hưng, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc không có gì mâu thuẫn mà chủ yếu mâu thuẫn với chị chồng, nguyên nhân là do chị chồng thường xuyên nhắc đến người yêu cũ của Anh V để so sánh với chị từ đó giữa chị và chị chồng có lời qua tiếng lại, mẹ chồng bênh vực chưởi chị mất dạy, khi đó Anh V không giải quyết hoặc an ủi hay thông cảm gì cho chị cứ thế kéo dài đến năm 2008 chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Thời gian chung sống hai vợ chồng có 01 con chung tên Vương Nguyễn Nhật T, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2003, hiện cháu đang sống với chị, khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng, chị không yêu cầu Anh V cấp dưỡng nuôi con; tài sản và nợ chung không yêu cầu đặt ra giải quyết.

Bị đơn Anh Vương Văn V trình bày:

Anh thừa nhận toàn bộ lời trình bày của Chị T là đúng, trước đây anh là con trai út, do mẹ bị tai biến nên anh không thể sang sống chung với vợ con, nhưng anh vẫn thường xuyên qua lại với vợ con. Từ khi Chị T nộp đơn xin ly hôn mẹ anh có nói nếu vợ anh không muốn về nhà anh sống thì anh cứ về sống chung cùng vợ con, nhưng anh về Chị T không đồng ý. Nay anh vẫn còn thương vợ, con nên yêu cầu đoàn tụ; trường hợp Tòa án cho ly hôn anh đồng ý để Chị T tiếp tục nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con, nhưng khả năng anh có bao nhiêu anh cho bấy nhiêu; tài sản và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng Chị T Anh V đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị T đối với Anh V. Về con chung giao Chị T được tiếp tục chăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Vương Nguyễn Nhật T, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2003, Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản và nợ chung không có yêu cầu đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Anh Vương Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Anh V.

[2] Về hôn nhân: Chị T và Anh V chung sống vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn, ngày 26 tháng 6 năm 2002 được UBND xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83/2002, quyển số 01 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi cưới Chị T về làm dâu sống chung với gia đình Anh V ở ấp Hòa Hưng, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc không có gì mâu thuẫn mà chỉ mâu thuẫn với chị chồng, nguyên nhân là do chị chồng thường xuyên nhắc đến người yêu cũ của Anh V để so sánh với Chị T từ đó giữa Chị T và chị chồng có lời qua tiếng lại, mẹ chồng bênh vực chưởi Chị T mất dạy, khi đó Anh V không giải quyết hoặc an ủi hay thông cảm gì cho Chị T, cứ thế kéo dài đến năm 2008 Chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở để giữ hạnh phúc gia đình, lúc này chị có yêu cầu Anh V theo chị sống, nhưng Anh V không đồng ý mà vẫn ở nhà cha mẹ ruột chăm lo cho mẹ, tuy lúc này trong gia đình còn có hai người chị của Anh V, chờ đợi mãi vẫn không thấy vợ chồng đoàn tụ nên chị làm đơn xin ly hôn Anh V, Anh

V thừa nhận nguyên nhân như trên, nhưng vì còn thương vợ con nên yêu cầu đoàn tụ. Xét thấy việc vợ chồng đã ly thân nay đã 09 năm, Chị T đã tạo điều kiện cho Anh V đoàn tụ, nhưng anh không tích cực xây dựng hạnh phúc gia đình, chưa đoàn tụ được nên tình cảm vợ chồng không còn, từ đó cho thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị T với Anh V là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị T và Anh V có 01 con chung tên Vương Nguyễn Nhật T, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2003, từ trước đến nay cháu sống với Chị T, theo nguyện vọng của cháu tiếp tục sống với Chị T, hơn nữa theo Anh V khi Tòa xử cho ly hôn anh đồng ý giao cháu cho Chị T nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và Anh V không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Nguyễn Thị Kim T với Anh Vương Văn V. Chị T được ly hôn với Anh V.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung tên Vương Nguyễn Nhật T, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2003. Ghi nhận Chị T không yêu cầu Anh V cấp dưỡng nuôi con.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008615 ngày 17 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; Chị Nguyễn Thị Kim T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- THADS huyện Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- UBND xã An Hòa;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Tấn Đạt